UBND HUYỆN CỦ CHI
TRƯỜNG TIỂU HỌC
NGUYỄN THỊ RÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 258 /QĐ-THNTR

Củ Chi, ngày 15 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2024 Trường Tiểu học Nguyễn Thị Rành

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ/UBND ngày 22/8/1990 của UBND Huyện Củ Chi về việc thành lập trường TH Liên Minh Công Nông;

Căn cứ Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Uỷ ban Nhân dân huyện Củ Chi về việc đổi tên Trường tiểu học Liên Minh Công Nông thành Trường Tiểu học Nguyễn Thị Rành;

Căn cứ Quyết định số 4222/QĐ-UBND ngày 03 tháng 08 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Tiểu học Liên Minh Công Nông đối với Bà Phan Thị My;

Căn cứ Quyết định số 7281/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Uỷ ban nhân dân huyện Củ Chi về việc chuyển đổi chức vụ theo vị trí việc làm đối với bà Phan Thị My;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán năm 2024 trong 9 tháng đầu năm 2024 của Trường;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2024 của Trường Tiểu học Nguyễn Thị Rành (Theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ văn phòng, bộ phận kế toán và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Thị My

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Tiểu học Nguyễn Thị Rành
Chương:622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Củ Chi, ngày 15 tháng 10 Năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Tiểu học Nguyễn Thị Rành công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2024 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 9 tháng/năm	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện 9 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
1	Lệ phí				
	Lệ phí…				
	Lệ phí…				
2	Phí				
	Phí …				
	Phí …				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	***Lệ phí***				
	Lệ phí…				
	Lệ phí…				
2	Phí				
	Phí …				
	Phí …				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**11.311.581.064**	**6.914.095.264**	**61,12%**	**130,19%**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**11.311.581.064**	**6.914.095.264**	61,12%	*130,19%*
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**11.311.581.064**	**6.914.095.264**	61,12%	*130,19%*
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	**5.323.268.339**	**3.775.607.065**		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 9 tháng/năm	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện 9 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	-Nguồn 13	5.323.268.339	*3.775.607.065*	70,93%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	**5.988.312.725**	**3.138.488.199**	52,41%	
	- Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo NQ27/2022 (Nguồn 14)	4.354.229.725	*1.961.115.051*	45,04%	
	- Kinh phí chi chênh lệch lương từ 1.490-1800(Nguồn 14)	894.774.000	*673.477.791*	75,27%	
	-Kinh phí phụ cấp thu hút cho nhân viên y tế (Nguồn 12)	5.400.000	*4.050.000*	75,00%	
	-Kinh phí giáo viên dạy học sinh khuyết tật (Nguồn 12)	146.241.000	*52.742.007*	36,07%	
	-Kinh phí miễn giảm năm học 2023-2024 (Nguồn 12)	2.340.000		0,00%	
	-Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập HKI NH 2023-2024 (Nguồn 12)	9.750.000		0,00%	
	-Kinh phí phụ cấp thâm niên nghề (nguồn 12) mức 1490000	545.578.000	*431.161.350*	79,03%	
	-Kinh phí sửa chữa nhỏ (Nguồn 12)	30.000.000	*15.942.000*	53,14%	

Ngày 15 tháng 10 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Phan Thị My

Đơn vị: Trường Tiểu học Nguyễn Thị Rành
Chương:622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

A. Dự toán giao:

- **Kinh phí thực hiện tự chủ/kinh phí thường xuyên (Nguồn 13)**	**5.323.268.339**	**đồng**
+ Năm trước chuyển sang	148.168.339	đồng
+ Giao đầu năm	5.175.100.000	đồng
+ Điều chỉnh trong năm		đồng
- **Kinh phí thực hiện tự chủ cải cách tiền lương (Nguồn 14)**	-	**đồng**
+ Năm trước chuyển sang	-	đồng
+ Giao đầu năm	-	đồng
+ Điều chỉnh trong năm		đồng
- **Kinh phí thực hiện không tự chủ cải cách tiền lương (Nguồn 14)**	**5.249.003.725**	**đồng**
+ Năm trước chuyển sang	**5.995.725**	đồng
+ Giao đầu năm	5.243.008.000	đồng
+ Điều chỉnh trong năm	-	đồng
- **Kinh phí không thực hiện tự chủ/kinh phí không thường xuyên (Nguồn 12)**	**739.309.000**	**đồng**
+ Năm trước chuyển sang	-	đồng
+ Giao đầu năm	739.309.000	đồng
+ Điều chỉnh trong năm	-	đồng

B. Tình hình thực hiện dự toán chi NSNN 9 tháng năm 2024

I. Kinh phí thực hiện tự chủ/kinh phí thường xuyên (Nguồn 13)	**3.775.607.065**	**đồng**
Lương theo ngạch, bậc	1.912.349.240	đồng
Tiền công lao động theo hợp đồng	179.622.004	đồng
Phụ cấp chức vụ	30.025.223	đồng
Phụ cấp dạy thêm giờ (Phụ trội)	96.650.576	đồng
Phụ cấp ưu đãi nghề	664.550.449	đồng
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, công việc	4.347.000	đồng
Phụ cấp thâm niên vượt khung	5.013.473	đồng
Chi khác (phúc lợi)	135.700.000	đồng
Bảo hiểm xã hội (17%)	361.877.466	đồng
Bảo hiểm y tế (3%)	63.503.755	đồng

Kinh phí công đoàn (2%)	43.694.932	đồng
Bảo hiểm thất nghiệp (1%)	21.168.216	đồng
Bảo hiểm tai nạn và bệnh nghề nghiệp(0,5%)	8.561.107	đồng
Chi khác (trợ cấp tết 2024; phụ cấp sân bãi cho GV dạy thể dục)	80.604.000	đồng
Tiền điện	71.425.234	đồng
Tiền vệ sinh, môi trường (thu gom vận chuyển rác)		đồng
Tiền mua văn phòng phẩm	8.413.750	đồng
Tiền mua công cụ dụng cụ	2.332.800	đồng
Vật tư văn phòng	4.102.000	đồng
Khoán điện thoại	4.950.000	đồng
Khoán công tác phí	19.800.000	đồng
Thuê thiết bị các loại (thuê máy photo)	3.704.940	đồng
sửa chữa các thiết bị công nghệ thông tin	3.050.000	đồng
chi khác	600.000	đồng
thuê đào tạo lại các bộ (Tập huấn bồi dưỡng TX cho GV NH 23-24)	39.600.000	đồng
Thuê mướn khác	3.596.400	đồng
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin (IMAS, QLTSNN	4.500.000	đồng
Các khoản phí và lệ phí (phí chuyển lương)	1.864.500	đồng
II. Kinh phí thực hiện tự chủ cải cách tiền lương (Nguồn 14)	**-**	**đồng**
III. Kinh phí thực hiện không tự chủ cải cách tiền lương (Nguồn 14)	**2.634.592.842**	**đồng**
Lương theo ngạch, bậc	367.037.066	đồng
Phụ cấp chức vụ	5.786.234	đồng
Phụ cấp ưu đãi nghề	127.620.270	đồng
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, công việc	837.000	đồng
Phụ cấp thâm niên vượt khung	68.347.553	đồng
Bảo hiểm xã hội (17%)	75.596.618	đồng
Bảo hiểm y tế (3%)	13.257.391	đồng
Kinh phí công đoàn (2%)	8.838.360	đồng
Bảo hiểm thất nghiệp (1%)	4.419.130	đồng
Bảo hiểm tai nạn và bệnh nghề nghiệp(0,5%)	1.738.169	đồng
chi khác (NQ 27/2022)	1.961.115.051	đồng
IV. Kinh phí không thực hiện tự chủ/kinh phí không thường xuyên (Nguồn 12)	**503.895.357**	**đồng**
Phụ cấp thu hút cho nhân viên y tế	4.050.000	đồng

Phụ cấp ưu đãi (GV dạy HS khuyết tật)	52.742.007	đồng
Phụ cấp thâm niên nghề (Mức 1490)	350.956.216	đồng
Bảo hiểm xã hội (17%)	59.387.409	đồng
Bảo hiểm y tế (3%)	10.420.171	đồng
Kinh phí công đoàn (2%)	5.527.143	đồng
Bảo hiểm thất nghiệp (1%)	3.473.490	đồng
Bảo hiểm tai nạn và bệnh nghề nghiệp(0,5%)	1.396.921	đồng
Đường điện, cấp thoát nước	3.367.000	đồng
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	12.575.000	đồng

Đánh giá :

- Tổng chi NSNN 9 tháng đầu năm 2024 là : 6.914.095.264 đồng, đạt 61,12% dự toán năm và đạt 130,19% so với cùng kỳ năm trư
- Kinh phí thực hiện tự chủ/ TX (nguồn 13) 9 tháng đầu năm 2024 là: 3.775.607.065đồng đạt 70,93% so với dự toán
- Kinh phí không thực hiện tự chủ cải cách tiền lương / TX (nguồn 14) 9 tháng đầu năm 2024 là: 2.634.592.842đồng trong đó:

  Chi Chênh lệch lương từ 1.490-1.800 : 673.477.790 đồng đạt 75,27% so với dự toán

  Chi thu nhập tăng thêm theo NQ27 : 1.961.115.051 đồng đạt 45,04% so với dự toán

- Kinh phí không thực hiện tự chủ/không TX (nguồn 12) 9 tháng đầu năm 2024 là: 503.895.357 đồng trong đó:
  chi phụ cấp thu hút cho nhân viên y tế : 4.050.000 đồng đạt 75% so với dự toán
  Chi sửa chữa nhỏ :15.942.000đ đạt 53,14% so với dự toán
  Chi phụ cấp thâm niên nghề mức 1.490.000 : 431.161.350 đồng đạt 79,03% so với dự toán

Ngày 15 tháng 10 năm 2024

Kế toán

Nguyễn Thùy Dung

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Phan Thị My